

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Sơ kết công tác 06 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2023 ngành tài nguyên và môi trường

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, năm bản lề có ý nghĩa rất quan trọng, tạo động lực đối với việc hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2021 - 2025. Bám sát chủ đề điều hành "**Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả**", với 6 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành của của Chính phủ, toàn Ngành tài nguyên và môi trường đã bám sát tình hình thực tiễn, phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, chủ động trong triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật; kịp thời trong phản ứng chính sách để giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh trong phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh có liên quan đến công tác quản lý nhà nước của Ngành. Trong đó, toàn Ngành đặt trọng tâm vào đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật; lập và triển khai công tác quy hoạch; tiếp tục đề xuất các giải pháp, khơi thông các điểm nghẽn nhằm quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài nguyên, phục vụ trực tiếp cho quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 06 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2023

1. Tổng kết thực tiễn, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên và môi trường

Toàn Ngành đã và đang tích cực tổ chức tổng kết, đánh giá 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/06/2013 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tổ chức triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trên cơ sở tổng kết thi hành pháp luật, Ngành tài nguyên và môi trường đã tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến đối với dự án Luật Đất đai (sửa đổi) (cho ý kiến lần 2) và dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội Khóa XV; phê duyệt đưa dự án Luật Địa chất và Khoáng sản vào Chương

trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 (*trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7, thông qua tại kỳ họp thứ 8*). Đặc biệt, toàn Ngành đã tổ chức thành công việc lấy ý kiến Nhân dân đối với dự án Luật đất đai (sửa đổi), thực hiện tuyên truyền, giới thiệu các nội dung mới, quan trọng của dự thảo Luật đến mọi người dân, tổ chức. Kết thúc quá trình lấy ý kiến, dự thảo Luật đã nhận được hơn 12 triệu lượt ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đây thực sự trở thành sự kiện sinh hoạt chính trị sôi nổi của cả nước.

Ngoài ra, trong 06 tháng đầu năm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành **03** nghị định, **03** quyết định; Bộ trưởng đã ban hành **02** Thông tư, qua đó, tháo gỡ kịp thời một số vướng mắc trong công tác quản lý đất đai, quản lý tài nguyên nước, tăng cường phân cấp cho địa phương và cắt giảm các điều kiện liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

Với tinh thần cầu thị, luôn hướng về địa phương, cơ sở, Bộ đã chủ động cùng với các địa phương nắm bắt các vướng mắc trong thi hành pháp luật đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xây dựng, trình ban hành các văn bản: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 44/2012/NĐ-CP ngày 15/5/2012 của Chính phủ quy định phương pháp định giá đất; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. Ngoài ra, đồng thời với quá trình xây dựng dự án Luật đất đai (sửa đổi), Bộ đang chỉ đạo xây dựng các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật.

Tại địa phương, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường tạo lập hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường ngày càng đồng bộ, thống nhất, đi vào cuộc sống¹.

Đối với công tác lập quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch, Bộ đã hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ **07/08** quy hoạch cấp quốc gia² (*còn lại Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*), **06/15**

¹ Các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ yếu quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường, Luật đất đai và các văn bản dưới Luật.

² Trong đó, 03 quy hoạch đã được phê duyệt: (1) Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; 04 quy hoạch đang tiếp thu, hoàn thiện theo ý kiến Hội đồng thẩm định quốc gia: (1) Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (4) Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành³ (trong năm 2023, Bộ sẽ trình Thủ tướng Chính phủ 03 Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông và Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia).

2. Kiện toàn tổ chức bộ máy của Ngành theo hướng tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý

Bộ đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ, các đơn vị trực thuộc theo Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 của Chính phủ. Tiếp tục tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định, quy chế trong công tác cán bộ, theo hướng tăng cường phân cấp đi đôi với nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, quy trình, thời gian thực hiện⁴. Đẩy mạnh việc thực hiện quản lý hồ sơ công chức, viên chức thông qua hệ thống phần mềm quản lý để từng bước xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ. Tiếp tục ban hành các văn bản siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ⁵; xử lý kịp thời, nghiêm minh các tổ chức, cá nhân vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Các địa phương đã kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường đảm bảo thống nhất quản lý của Ngành, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa nền hành chính, chuyển đổi số

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, Bộ đã đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ⁶. Theo đó, trong tổng số 178 TTHC được rà soát, Bộ sẽ thực hiện bãi bỏ, đơn giản hóa 153/178 TTHC (đạt 85%)⁷. Chỉ số cải cách

³ Trong đó, 05 Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông (LVS Sê San, LVS Bằng Giang – Kỳ Cùng, LVS Srepok, LVS Hồng – Thái Bình, LVS Cửu Long) và Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁴ Trình Ban Cán sự đảng xem xét, sửa đổi Quyết định số 18-QĐ/BCSĐTNTM ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ TN&MT; Quy định số 19-QĐ/BCSĐTNTM về luân chuyển cán bộ; Quy định số 14-QĐ/BCSĐTNTM ngày 21/12/2021 của Ban Cán sự đảng về phân cấp quản lý các chức danh lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ TN&MT; Quy định của Bộ TN&MT về phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ (thay thế Quy chế quản lý công chức, viên chức của Bộ TN&MT ban hành theo Quyết định số 599/QĐ-BTNMT ngày 28/02/2018); Quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp thuộc Bộ TN&MT (thay thế Quyết định số 3372/QĐ-BTNMT ngày 27/12/2017).

⁵ Xây dựng, trình Bộ ban hành Quy tắc ứng xử của công chức lãnh đạo, viên chức quản lý thuộc Bộ tại Quyết định số 4038/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

⁶ Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16/6/2022.

⁷ Cụ thể từng lĩnh vực: (1) đất đai: 12/17 TTHC, chiếm 70,5%; (2) địa chất và khoáng sản: 28/32 TTHC, chiếm 87,5%; (3) tài nguyên nước: 27/32 TTHC, chiếm 84,3%; (4) khí tượng thủy văn: 08/08 TTHC, chiếm 100%; (5) quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo: 25/25 TTHC, chiếm 100%; (6) đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý: 01/03 TTHC, chiếm 33%; (7) môi trường: 52/62 TTHC, chiếm 83,87%.

hành chính của Bộ năm 2022 (Par-index) đạt 86.59/100 điểm xếp thứ 6 trên tổng số 17 các Bộ, cơ quan ngang bộ, tiếp tục duy trì thứ hạng so với năm 2021. Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của Bộ năm 2023 đứng thứ 3/17 bộ, ngành (có dịch vụ công).

Bộ đã vận hành các hệ thống thông tin Chính phủ điện tử phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, quản trị, làm việc của Bộ, ngành tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử, trực tuyến; nền tảng kết nối, tích hợp dữ liệu của Bộ đã tích hợp với nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia, với 233 dịch vụ, 6 tháng đầu năm 2023 là **6.378.889 giao dịch**; số lượng văn bản điện tử (ký số) gửi, nhận qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nội bộ, 6 tháng đầu năm 2023 là **36.019 văn bản**.

Bộ đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 (Đề án 06/CP). Đã thực hiện tích hợp, cung cấp DVCTT trên Hệ thống tập trung của Bộ, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia; CSDL quốc gia về dân cư để cung cấp DVCTT theo thẩm quyền của các tỉnh, thành phố (Sở Tài nguyên và Môi trường) gồm: thủ tục “*Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận*” đến nay đã có 63/63 tỉnh, thành phố triển khai, phát sinh 17.743 hồ sơ; 02 thủ tục “*Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất*”, “*Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi về nghĩa vụ tài chính*” đến nay đã có 48/63 tỉnh, thành phố triển khai, phát sinh 19.029 hồ sơ. Đã kết nối, chia sẻ 18 trường thông tin dữ liệu giữa CSDL đất đai với CSDLQG về dân cư phục vụ nghiệp vụ cư trú, đến nay đã kết nối dữ liệu của 63/63 tỉnh, thành phố với dữ liệu của **461/705** đơn vị cấp huyện, **6.198/10.599** đơn vị cấp xã với tổng số hơn **26 triệu** thửa đất.

4. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc từ thực tiễn

Trong 6 tháng đầu năm 2023, toàn ngành đã tiến hành **350** cuộc thanh tra, kiểm tra, đối với 773 tổ chức, cá nhân. Xử phạt vi phạm hành chính 73 tổ chức, cá nhân với số tiền 53 tỷ 946 triệu đồng, kiến nghị truy thu nộp ngân sách nhà nước **5.976,7 triệu đồng**, kiến nghị thu hồi **5.647 ha** đất.

Toàn Ngành thực hiện tốt công tác tiếp, giải quyết các kiến nghị của nhân dân. Tập trung lực lượng giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai phức tạp, đông người; quan tâm giải quyết đối với các vụ việc mới phát sinh, đảm bảo ổn định trật tự, chính trị, xã hội ở các địa phương. Trong 6 tháng đầu năm toàn Ngành đã tổ chức tiếp 1.589 lượt với 1.783 công dân, có 18 lượt đoàn đông người với 13 người; nhận được là 6350 lượt đơn thư khiếu nại tố cáo (có 2.227 đơn không đủ điều kiện xử lý, chiếm 35,07% số đơn nhận được), số đơn đủ điều kiện xử lý là 4.123 đơn tương ứng 4.123 vụ việc.

5. Tích cực, chủ động tham gia có trách nhiệm vào các cơ chế hợp tác, đón đầu các cơ hội từ xu thế phát triển

Đã tích cực, chủ động đề xuất việc tham gia các cơ chế hợp tác song phương và đa phương, từng bước thúc đẩy các hoạt động ngoại giao tài nguyên, môi trường và khí hậu. Qua đó, vừa khẳng định vai trò quan trọng của Bộ với tư cách là Cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện các Công ước, nghị định thư và thỏa thuận quốc tế về môi trường, khí hậu, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các cam kết của Việt Nam tại COP26, vừa thu hút được hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác quốc tế để triển khai các chương trình, dự án phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ, hỗ trợ các địa phương.

Đã chủ trì, phối hợp chuẩn bị nội dung phục vụ Lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, đặc biệt là Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng tham dự nhiều sự kiện quốc tế quan trọng như Hội nghị thượng đỉnh Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7) mở rộng; Hội nghị rà soát toàn diện giữa kỳ việc triển khai các mục tiêu của Thập kỷ hành động “Nước vì sự phát triển bền vững” giai đoạn 2018-2028; Hội nghị thượng đỉnh về Hiệp ước tài chính toàn cầu mới...

Chủ động thúc đẩy đàm phán, thúc đẩy ký kết các thỏa thuận hợp tác về tài nguyên, môi trường và khí hậu, đặc biệt là Nhóm các đối tác phát triển về việc thành lập Ban thư ký thực hiện Tuyên bố chính trị thiết lập Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP), thúc đẩy hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng, công lý tại Việt Nam, đón đầu các cơ hội hợp tác khai thác tiềm năng lợi thế về tài nguyên gió, thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển các ngành kinh tế dựa vào hệ sinh thái, giảm phát thải khí nhà kính. Từng bước, đưa Việt Nam trở thành hình mẫu phát triển trong khu vực và trên thế giới về giảm phát thải khí nhà kính, tạo việc làm và động lực tăng trưởng mới, mang đến một tương lai sạch hơn, xanh hơn cho Việt Nam và cao hơn là bảo vệ sức khỏe, chất lượng sống và an toàn, thịnh vượng cho Nhân dân, đóng góp vào nỗ lực chung toàn cầu và khu vực về ứng phó với các tác động do ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

Bộ và các đơn vị trực thuộc đã tham mưu, chuẩn bị nội dung phục vụ Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ tiếp và làm việc với nhiều Đoàn khách quốc tế quan trọng. Chuẩn bị chu đáo và tổ chức tốt việc đón tiếp và làm việc với nhiều đoàn khách quốc tế đến làm việc tại Bộ⁸; chủ trì, tổ chức thành công nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế, để lại ấn tượng tốt đẹp với các đối tác, tổ chức quốc tế.

Tập trung nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao khoa học công nghệ về quản lý không gian, khoa học về trái đất, khí tượng thủy văn. Xây dựng các quy chuẩn quốc gia về môi trường, khoáng sản, khí tượng thủy văn; nghiên cứu các mô hình công nghệ trong xử lý chất thải phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

6. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên đáp ứng yêu cầu phục hồi, tái cơ cấu nền kinh tế

⁸ Bao gồm các đối tác quan trọng như: Bộ trưởng Bộ Công Thương Cộng hòa Séc; Thứ trưởng Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản; Đoàn công tác của Bộ ngoại giao Phần Lan; Đại sứ Anh tại Việt Nam; Giám đốc USAID tại Việt Nam; Trưởng đại diện UNDP tại Việt Nam; Đoàn công tác của Ủy ban ngân sách Quốc hội Liên bang Đức, Tổng Giám đốc WWF toàn cầu, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, Trưởng Đại diện JICA tại Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Môi trường Hàn Quốc; Giám đốc Quốc gia WB tại Việt Nam.

6.1. Phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai

Hiện nay, các địa phương đang tích cực triển khai lập, trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) cấp tỉnh đồng thời với việc hoàn thiện, trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh, thành phố thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁹. Các địa phương đã cơ bản hoàn thành việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện 360/CD-TTg ngày 02/5/2023, Bộ đã tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao và tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025. Theo đó, qua tổng hợp báo cáo của 63/63 tỉnh, thành phố cho thấy kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sử dụng đất đến hết năm 2022 đạt tỷ lệ rất thấp¹⁰. Trong khi đó, nhiều địa phương đang đề xuất điều chỉnh kế hoạch chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025, chủ yếu tập trung vào đất trồng lúa, đất khu công nghiệp¹¹,...

Thực hiện vận hành 04 khối dữ liệu đất đai ở Trung ương (Dữ liệu Thống kê, kiểm kê đất đai; Dữ liệu Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Dữ liệu Giá đất; Dữ liệu điều tra cơ bản về đất đai). Hiện nay tất cả **63/63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã và đang triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai với **348/705** đơn vị cấp huyện đã hoàn thành và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai (Trong đó có 143 đơn vị cấp huyện hoàn thành xây dựng và vận hành 04 thành phần của cơ sở dữ liệu đất đai). Kết nối, liên thông trao đổi thông tin đất đai giữa Cơ quan đăng ký đất đai với Cơ quan thuế tại 34 tỉnh, thành phố. Kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại **60/63** tỉnh, thành phố (với dữ liệu của 405/705 đơn vị cấp huyện, 5.230/10.599 đơn vị cấp xã).

6.2. Tập trung triển khai các chủ trương, giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước

Toàn ngành đã tập trung triển khai thực hiện Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và lập quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông; thực hiện đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia¹². Tăng

⁹ Đến nay có 11 địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh là Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Thái Nguyên, Khánh Hoà, Lào Cai, Tuyên Quang, Quảng Bình, Long An. Bộ đã nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) của các tỉnh: Bắc Giang, Tuyên Quang, Hà Tĩnh. Ngoài ra, có 06 tỉnh đã có đề nghị thẩm định hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) gồm Hà Giang, Thái Bình, Tây Ninh, Vĩnh Long, Long An (nộp trước khi được phê duyệt quy hoạch tỉnh), Kiên Giang nhưng chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh nên chưa đủ cơ sở thẩm định.

¹⁰ Cụ thể: (1) đất trồng lúa: chỉ tiêu đến năm 2025 cả nước giảm 184.000 ha, nhưng đến hết năm 2022 lại tăng 13.140 ha (nguyên nhân do công tác thống kê đất đai); (2) đất rừng phòng hộ: chỉ tiêu đến hết năm 2025 cả nước tăng 53.400 ha, tuy nhiên, đến hết năm 2022 chỉ tăng 2.090 ha; (3) đất giao thông, thực hiện đạt 10,74%; (4) đất thể dục thể thao, đạt 5,91%; (5) đất khu công nghiệp, đạt 3,61%); (6) đất công trình năng lượng, đạt 11,25%...

¹¹ Qua tổng hợp số liệu đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 của các địa phương: đối với chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa có 01 tỉnh đề xuất tăng 120 ha và 29 tỉnh đề xuất giảm với diện tích là 90.781 ha thì đến năm 2025 cả nước còn 3,642 triệu ha tiếm cận diện tích đất trồng lúa đến năm 2030 được Quốc hội quyết định tại Nghị quyết 39/2021/QH15 về quy hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm quốc gia (2021-2025) là 3,568 ha; đất khu công nghiệp có 37 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề xuất tăng với diện tích 46.038 ha, chỉ có 01 tỉnh đề xuất giảm 58 ha; đất giao thông có 31 tỉnh đề xuất tăng với diện tích là 32.701 ha, không có địa phương đề xuất giảm.

¹² Trên địa bàn một số tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh, các sông vùng Quảng Ninh.

cường thực hiện công tác quản lý, thẩm định và hậu kiểm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất¹³. Thực hiện giám sát việc vận hành các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ, đến nay 100% đã được kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu hàng ngày; theo dõi, giám sát trực tuyến vận hành 90% hồ chứa thủy điện lớn; thực hiện phân bổ nguồn nước hợp lý cho các mục đích sử dụng nước. Thực hiện lập hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất¹⁴; hầu hết các hồ thủy điện đang hoạt động (trên 1 triệu m³) đã và đang hoàn thành việc cắm mốc hàng lang.

Chủ động nghiên cứu đề xuất giải pháp tổng thể để thực hiện chủ trương, chính sách trong quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nước sông Mê Công; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác về quản lý nguồn nước xuyên biên giới thông qua các cơ chế hợp tác Mê Công; tổ chức thành công Phiên họp Hội đồng Ủy hội sông Mê Công quốc tế và các Phiên họp quốc tế liên quan tại Việt Nam.

6.3. Phát huy vai trò nguồn lực khoáng sản, đáp ứng nguồn cung và nguyên vật liệu xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược

Trong 6 tháng đầu năm 2023, các Bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường; tiếp tục thực hiện Chỉ thị 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ, nhờ đó công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản đã có những chuyển biến rõ nét, tích cực.

Phần lớn các địa phương đã có quy hoạch khoáng sản hoặc đang rà soát, bổ sung điều chỉnh các quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền, đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác cấp phép hoạt động khoáng sản được thực hiện theo quy định. Thực hiện hướng dẫn khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ các Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc được áp dụng cơ chế đặc thù đối với 35 tỉnh, thành phố¹⁵. Sở TN&MT các tỉnh, thành phố đã rất tích cực tham mưu cho UBND tỉnh trong việc bố trí nguồn cát đắp phục vụ thi công các dự án giao thông trọng điểm¹⁶ (*Đến nay, các tỉnh An Giang,*

¹³ Trong 6 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân các tỉnh đã cấp gần 503 giấy phép trong lĩnh vực tài nguyên nước, trong đó có 153 giấy phép khai thác nước dưới đất; gần 300 giấy phép khai thác nước mặt; 23 giấy phép thăm dò nước dưới đất và 06 giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất. Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thu được gần 100 tỷ đồng.

¹⁴ Đến nay, có 47/63 tỉnh đã phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; ; 40/63 tỉnh, thành đã thực hiện việc phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh lấy nước sinh hoạt cho các công trình thuộc đối tượng trên địa bàn tỉnh; 27/63 tỉnh, thành đã ban hành Quyết định công bố danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; 47/63 tỉnh, thành phê duyệt và công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp; 06/63 tỉnh, thành đã ban hành danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông suối nội tỉnh theo thẩm quyền.

¹⁵ Công văn số 4766/BTNMT-KSVN ngày 20/6/2023.

¹⁶ Kết quả thống kê cho thấy, đối với khu vực các tỉnh miền Trung; cơ bản các địa phương đã bố trí sắp xếp vị trí các mỏ vật liệu san lấp, cát san lấp (địa bàn tỉnh Bình Định đang thiếu khoảng 0,8 triệu m³ cát san lấp); đối với khu vực các tỉnh phía Nam có: **79 giấy phép** khai thác cát san lấp, tổng trữ lượng 69.750.714 m³, tổng công suất 14.627.769 m³/năm; trữ lượng còn lại 41.344.795 m³; **126 giấy phép** khai thác đất san lấp, tổng trữ lượng 101.675.716 m³, tổng công suất 13.516.864 m³/năm; trữ lượng còn lại 68.890.097 m³; **30 giấy phép** khai thác cát xây dựng, tổng trữ lượng 62.937.475 m³, tổng công suất 6.263.645 m³/năm; trữ lượng còn lại 35.910.130 m³; **322 giấy phép** khai thác đất san lấp, tổng trữ lượng 1.505.316.582 m³, tổng công suất 76.458.554 m³/năm; trữ lượng còn lại 1.050.774.837 m³.

Đồng Tháp, Vĩnh Long đã bảo đảm bố trí được 9,1 triệu m³ cát đắp phục vụ các dự án cao tốc trong Vùng ĐBSCL).

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, các địa phương đã phê duyệt 190 khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và tổ chức thành công các phiên đấu giá thuộc thẩm quyền, đảm bảo tính công khai, minh bạch, lựa chọn được các doanh nghiệp có đủ năng lực về vốn, công nghệ, thiết bị tham gia vào hoạt động khoáng sản. Công tác khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cơ bản đã được các địa phương thực hiện và hoàn thành¹⁷. Nguồn thu từ hoạt động khoáng sản đóng góp lớn vào ngân sách Nhà nước, tính đến hết năm 2022, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã nộp 39.408 tỷ đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách nhà nước, riêng trong năm 2022, đã thu ngân sách nhà nước trên 5.095 tỷ đồng. Đối với tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã nộp vào ngân sách nhà nước với số tiền trên 1.000 tỷ đồng.

6.4. Hoàn thiện thể chế quản lý tổng hợp về biển và hải đảo

Các địa phương ven biển đã thực hiện tốt việc tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, biển và hải đảo; triển khai thực hiện Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển¹⁸. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ về phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đến nay, đã có 24/28 tỉnh, thành phố có biển đã phê duyệt Danh mục hành lang bảo vệ bờ biển (HLBVBB)¹⁹, trong đó: 12 tỉnh đã xác định chiều rộng của hành lang; 03 tỉnh đã cấm mốc hành lang.

Công tác điều tra cơ bản tiếp tục được tăng cường gắn với công tác lập quy hoạch, kế hoạch nhằm nắm chắc tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên biển để khai thác sử dụng hợp lý cho phát triển KT-XH của đất nước. Đến nay, tổng diện tích được đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:50.000 là 221.264 km².

7. Tổ chức thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Triển khai thực hiện giám sát, kiểm soát các nguồn thải từ các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, khu vực tập trung nhiều nguồn thải tại các KCN, CCN, làng nghề, lưu vực sông...; trong đó, tập trung giám sát các cơ sở, khu vực có hoạt

Khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên, khu vực Đông Nam bộ cơ bản đáp ứng đủ vật liệu cho các tuyến đường cao tốc (riêng khu vực thành phố Hồ Chí Minh cần phối hợp, điều tiết của các tỉnh lân cận), khu vực Đồng bằng sông Cửu Long cát san lấp chỉ đáp ứng khoảng 70% nhu cầu (thiếu khoảng 14 triệu m³).

¹⁷ Đến nay, chỉ còn 06/63 tỉnh, thành phố thành phố trực thuộc Trung ương chưa phê duyệt theo quy định của Luật Khoáng sản.

¹⁸ Tổng diện tích giao khu vực biển là 4.769,422 ha, trong đó: thẩm quyền Trung ương là 1.183,15 ha; thẩm quyền địa phương là 3.586,272 ha.

¹⁹ Gồm: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Sóc Trăng; Trà Vinh, Nghệ An, Ninh Thuận, Tiền Giang, Bình Thuận, Khánh Hòa, Kiên Giang, Đà Nẵng, Quảng Nam. Các tỉnh chưa phê duyệt gồm: Cà Mau, Thừa Thiên Huế, TP HCM, Bạc Liêu.

động sản xuất có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường²⁰; hướng dẫn, đôn đốc đề yêu cầu chủ đầu tư các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 92%; quản lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại (CTNH) thông qua việc kiểm soát chặt chẽ nguồn phát sinh, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý²¹. Tiếp tục triển khai xử lý các điểm nóng về ô nhiễm môi trường, phối hợp với các địa phương tập trung xử lý ô nhiễm môi trường²². Duy trì và tăng cường hiệu quả Đường dây nóng tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường của Trung ương và địa phương²³.

Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn. Đôn đốc các địa phương triển khai các giải pháp cụ thể, bảo đảm tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tại khu vực đô thị đạt 95%; 40% rác thải sinh hoạt được xử lý theo mô hình đốt rác, phát điện, tái chế thay cho chôn lấp. Triển khai thực hiện quan trắc môi trường thuộc chương trình quan trắc môi trường quốc gia và theo Kế hoạch được phê duyệt²⁴; tổ chức thực hiện việc kết nối, tiếp nhận và xử lý dữ liệu quan trắc tự động liên tục từ các địa phương và doanh nghiệp truyền về²⁵.

8. Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thiên tai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Hoàn thiện hành lang pháp lý cho công tác khí tượng thủy văn, thúc đẩy xã hội hóa, hiện đại hóa hệ thống dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai thông qua việc triển khai hoàn thiện các Quy hoạch mạng lưới trạm, Đề án hiện đại hóa, tăng cường công tác dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai nguy hiểm cho các địa bàn, khu vực theo chỉ đạo, định hướng của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 10-CT/TW, Chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2030, tầm nhìn 2045; đảm bảo sự hoạt động ổn định của hệ thống mạng lưới trạm, hệ thống máy chủ, các hệ thống thông tin chuyên ngành khí tượng thủy văn thông suốt trong mọi tình huống, chuẩn

²⁰ Bao gồm: 1. Khu vực miền Bắc: (1) Các cơ sở thuộc Khu Kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá, (2) Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formos Hà Tĩnh, (3) Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, tỉnh Thái Nguyên, (4) Các cơ sở chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Tăng Loông, tỉnh Lào Cai, (5) Các cơ sở chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Phú Lâm tỉnh Bắc Ninh, (6) Các cơ sở chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá - Văn Môn, tỉnh Bắc Ninh; 2. Khu vực miền Trung – Tây Nguyên: (1) Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn,

²¹ Trên cả nước hiện có 117 cơ sở xử lý CTNH, theo báo cáo của các địa phương, đến nay, tỷ lệ thu gom, xử lý CTNH đạt khoảng 90%.

²² Khu vực sông Bắc Hưng Hải; khu vực làng nghề Mẫn Xá, Văn Môn, tỉnh Bắc Ninh.

²³ Đường dây nóng về ô nhiễm môi trường Trung ương (Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường là đầu mối tiếp nhận) đã tiếp nhận 457 thông tin phản ánh từ công dân

²⁴ Cụ thể: trong 05 tháng đầu năm 2023, đã thực hiện 04/08 đợt quan trắc tại khu vực phía Bắc; 03/08 đợt quan trắc tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên và 01/08 đợt quan trắc tại khu vực miền Nam theo chương trình quan trắc môi trường quốc gia.

²⁵ Đã tiếp nhận và quản lý số liệu quan trắc môi trường tự động của gần 1.800 trạm quan trắc từ các địa phương, doanh nghiệp trên cả nước truyền về thông qua phần mềm Envisoft, phục vụ công tác quản lý

bị sẵn sàng cho mùa mưa bão năm 2023.

Theo dõi chặt chẽ, dự báo sát diễn biến của 01 áp thấp nhiệt đới và 01 cơn bão; 19 đợt không khí lạnh; 09 đợt nắng nóng diện rộng; 18 đợt mưa lớn kèm theo các nguy cơ về lũ quét, sạt lở đất trên phạm vi cả nước, thông tin kịp thời cho các cơ quan, ban, ngành Trung ương, địa phương, các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ công tác chỉ đạo phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; dự báo chính xác xu thế hiện tượng El Nino. Từ tháng 5/2023 đã báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai nhận định sớm về khả năng tác động của El Nino đến nguồn nước, hạn hán, xâm nhập mặn, để các Bộ, ngành, địa phương chủ động điều chỉnh các hoạt động kinh tế - xã hội, cơ cấu sản xuất, mùa vụ, triển khai các biện pháp phòng tránh giảm thiểu thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn. Thực hiện tăng cường 8 bản tin chuyên đề dự báo nguồn nước phục vụ vận hành hồ chứa thủy điện.

Các địa phương đã tổ chức thực hiện tốt các nội dung, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao trong các Quyết định quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai và Quyết định quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai. Các Đài KTTV tỉnh đã tổ chức theo dõi thường xuyên tình hình KTTV, thu thập, xử lý thông tin, ban hành các bản tin cảnh báo, dự báo áp thấp nhiệt đới, bão; cung cấp các bản tin cho Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, các cơ quan đơn vị trong tỉnh theo đúng quy định.

9. Triển khai các chủ trương, giải pháp chuyển đổi xanh, giảm phát thải, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Chủ động tham mưu cho Chính phủ, triển khai thực hiện các Chương trình, Chiến lược, Kế hoạch hành động về biến đổi khí hậu (BĐKH); tham mưu, tổ chức Phiên họp lần thứ 8 của Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước; Đề án triển khai tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP). Bộ trưởng đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị COP26; Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030. Triển khai xây dựng Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát; Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật).

Xây dựng, hoàn thiện Đề án đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị COP28 tại Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE). Trình Thủ tướng Chính phủ đề xuất thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP). Chuẩn bị nội dung phục vụ tổ chức Phiên họp lần thứ 4 của Ban Chỉ đạo COP26. Rà soát các nội dung triển khai thực hiện NDC cập nhật, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu để hướng dẫn triển khai thực hiện đối với các Bộ, ngành, địa phương. Xây dựng Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HFC giai đoạn 1 và Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC giai đoạn 3.

Các địa phương đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đề xuất đề huy động nguồn lực tổ chức triển khai các dự án về thích ứng với biến đổi khí hậu²⁶; nhiều địa phương đã chủ động đề xuất sử dụng ODA để triển khai các dự án phát triển hạ tầng thích ứng với BĐKH²⁷.

10. Thực hiện nhiệm vụ quản lý biên giới, địa giới; tập trung hiện đại hóa công tác quản lý dữ liệu thông tin địa lý quốc gia; ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ quản lý, giám sát tài nguyên, môi trường

Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045²⁸. Tiếp tục phối hợp với Bộ Ngoại giao chuẩn bị hồ sơ, tài liệu tham gia đàm phán và phân giới cắm mốc 16% còn lại trên tuyến biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia; phối hợp kiểm tra kỹ thuật song phương trên toàn tuyến biên giới theo Nghị định thư phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; thực hiện công tác quản lý biên giới và thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu và thành lập bộ bản đồ chuẩn trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Lào; tham gia cùng các Bộ, ngành đàm phán, giải quyết các vấn đề với các nước có liên quan trên biển Đông.

Hướng dẫn, triển khai thực hiện “Đề án Ứng dụng viễn thám phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”: Hiện nay, các bộ, địa phương đã phân công đầu mối chủ trì thực hiện, cũng như đề xuất các nhiệm vụ kế hoạch hàng năm triển khai ứng dụng viễn thám phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng viễn thám ở các địa phương; đẩy nhanh tiến độ dự án ASEAN - Ấn Độ tại Bình Dương.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong 06 tháng đầu năm 2023, bám sát chỉ đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, toàn Ngành đã rất nỗ lực, quyết liệt trong giải quyết công việc, bảo đảm các hoạt động quản lý nhà nước của Bộ, của Ngành được nhịp nhàng, thông suốt, đặc biệt trong bối cảnh Bộ có sự thay đổi, chuyển giao lãnh đạo. Nhiều kết quả quan trọng đã được lãnh đạo Đảng, Nhà nước ghi nhận và Nhân dân đánh giá cao, trong đó nổi bật là:

(1) Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật tiếp tục được quan tâm, qua đó tạo lập hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường ngày càng đồng bộ, thống nhất, đi vào cuộc sống.

(2) Chủ động thực hiện sớm các giải pháp để đảm bảo các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế như đất đai, sản xuất, tài nguyên nước, thông tin, số liệu khí tượng thủy văn phục vụ sản xuất kinh doanh, phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược của đất nước.

²⁶ 16 dự án phát triển bền vững thích ứng với BĐKH tại vùng đồng bằng sông Cửu Long đã được Thủ tướng đồng ý chủ trương vay ODA với tổng mức vốn 2,53 tỷ USD

²⁷ Gồm các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Phú Yên ...

²⁸ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 27/3/2023

(3) Hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; trách nhiệm của chính quyền các cấp, doanh nghiệp, nhà đầu tư và nhận thức của người dân đối với các vấn đề về môi trường ngày càng được nâng cao.

(4) Chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu trong Ngành tài nguyên và môi trường được quan tâm đầu tư, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Theo báo cáo xếp hạng đánh giá mức độ chuyển đổi số năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường xếp hạng **3/17** Bộ, cơ quan ngang Bộ (có dịch vụ công).

(5) Chủ động dự báo sớm, đủ độ chi tiết, tin cậy cao trong cảnh báo mưa lớn, bão, lũ trên các sông và các hình thái thời tiết cực đoan.

(6) Chủ động triển khai các chiến lược, kế hoạch về ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng công bằng, thu hút đầu tư ngoài nước cho phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

2. Tồn tại, hạn chế và thách thức

Bên cạnh các kết quả tích cực, toàn Ngành tài nguyên và môi trường đang tiếp tục khắc phục các tồn tại, hạn chế và thách thức chủ yếu sau:

(1) Việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai còn chưa đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, đòi hỏi sự quyết tâm và quan tâm đầu tư từ các cấp chính quyền, từ Trung ương đến địa phương.

(2) Việc tổ chức lập Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất tại một số địa phương còn chậm; kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ cho các địa phương còn thấp. Tình trạng lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên còn phổ biến như: đất đai của các dự án chậm đưa vào sử dụng, để hoang hóa, đất của các nông lâm trường, các dự án bị dừng thực hiện sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; khai thác trái phép tài nguyên khoáng sản; tài nguyên nước còn sử dụng lãng phí, hiệu quả sử dụng còn thấp, nhất là trong nông nghiệp. Tiềm năng về kinh tế biển chưa được phát huy đầy đủ. Khiếu kiện liên quan đến đất đai có xu hướng giảm so với trước đây nhưng vẫn chiếm tỷ lệ lớn.

(3) Các cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, tuy nhiên, để hiện thực hóa các cam kết đó cũng đặt ra những thách thức lớn đối với Ngành tài nguyên và môi trường trong thời gian tới, đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, huy động hỗ trợ của quốc tế về nguồn lực tài chính, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản trị.

(4) Biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến nhanh; các tác động dài hạn đã được dự báo, nhận diện, tuy nhiên những tác động ngắn hạn là khó lường, khó dự báo. Tình trạng thiếu nước, hạn hán, thiên tai sẽ còn tiếp diễn nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG 06 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Về xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật

Toàn Ngành tập trung nguồn lực, hoàn thành tổng kết 10 năm thực hiện Nghị

quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Tiếp tục hoàn thiện dự án Luật Đất đai (sửa đổi) và dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội Khóa XV (tháng 10/2023); hoàn thiện dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản để gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và các đối tượng chịu tác động.

Hoàn thiện, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản; Nghị định thay thế Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn; dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 44/2014/NĐ-CP²⁹ (đồng thời sửa đổi Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT); Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP³⁰ (đồng thời sửa đổi Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT); xây dựng, hoàn thiện các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai (sửa đổi); tiếp tục bám sát thực tiễn để sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy định của pháp luật chưa phù hợp.

2. Đối với các quy hoạch ngành, quy hoạch quốc gia

Hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các Quy hoạch: Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tập trung tối đa nguồn lực để xây dựng, hoàn thiện Quy hoạch không gian biển quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng hợp các lưu vực: sông Mã; sông Hương; sông Đồng Nai bảo đảm chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.

3. Tập trung triển khai Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, trong đó tập trung thực hiện những nội dung như: Thanh tra một số dự án có giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; một số dự án có chuyển đổi mục đích đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ do Hội đồng nhân dân cấp Tỉnh thông qua; Thanh tra việc cấp phép hoạt động khoáng sản không thông qua đấu giá và việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; việc chấp hành giấy phép hoạt động khoáng sản và công tác cải tạo, phục hồi môi trường sau khi đóng cửa mỏ của một số tổ chức; thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước tại một số cơ sở có lưu lượng khí thải, bụi lớn và một số cơ sở y tế; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra...

4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ tập trung chỉ đạo, xử lý dứt điểm các

²⁹ Trình Chính phủ ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn trong tháng 7 theo chỉ đạo của Thường trực Chính phủ tại Thông báo Kết luận số 244/TB-VPCP ngày 26/6/2023 về các đề nghị xây dựng Luật, dự án Luật.

³⁰ Trình Chính phủ ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 4146/VPCP-NN.

kiến nghị, đề xuất của địa phương, Bộ, ngành theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động tham mưu cho UBND cấp tỉnh chỉ đạo giải quyết các vướng mắc, điểm nóng tại địa phương theo thẩm quyền.

5. Đối với các lĩnh vực chuyên ngành

5.1. Lĩnh vực quản lý đất đai

Đẩy nhanh tiến độ lập, trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 – 2025) cấp tỉnh; phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tổng hợp đề xuất của các địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc điều chỉnh phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.

Tập trung nguồn lực xây dựng hệ thống thông tin đất đai kết nối với cơ sở dữ liệu đất đai của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tiếp tục rà soát, xử lý tình trạng lãng phí đất đai, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh; các dự án vi phạm pháp luật đất đai; các dự án có vướng mắc sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,.....

5.2. Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước

Vận hành hiệu quả hệ thống giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng TNN, xả nước thải vào nguồn nước, giám sát việc vận hành của hệ thống liên hồ chứa, vận hành duy trì dòng chảy tối thiểu của các hồ chứa thủy điện.... bằng công nghệ tự động, trực tuyến.

Tiếp tục triển khai Nghị định về thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; tập trung triển khai, thực hiện việc cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất.

Quan trắc, theo dõi, chia sẻ thông tin về các hoạt động khai thác, sử dụng nước ở ngoài biên giới phía thượng nguồn lưu vực sông Hồng, sông Mê Công. Triển khai các chủ trương, chính sách trong chia sẻ tài nguyên nước xuyên biên giới.

5.3. Lĩnh vực địa chất, khoáng sản

Thực hiện khoanh định các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Hoàn thiện “Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh” trong Quy hoạch tỉnh, thành phố thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Điều chỉnh, trình phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản để đảm bảo căn cứ cấp phép hoạt động khoáng sản. Tập trung thực hiện có hiệu quả các dự án điều tra cơ bản, đánh giá tiềm năng khoáng sản, đặc biệt là dự án “Đánh giá tài nguyên khoáng sản, phục vụ khai thác cát biển, đáp ứng nhu cầu san lấp các dự án đường cao tốc và hạ tầng giao thông, đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long”. Rà soát rút ngắn thời gian cấp phép mỏ vật liệu xây dựng phục vụ các công trình giao thông trọng điểm. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, đấu giá quyền thăm dò, khai thác khoáng sản. Nghiên cứu, đề xuất việc phân tách

rõ công tác quản lý nguyên vật liệu xây dựng thông thường và quản lý khoáng sản.

5.4. Lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển, hải đảo

Tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Triển khai Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, hành lang kinh tế ven biển, khai hoang, lấn biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo.

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030. Xây dựng chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ có phạm vi liên tỉnh. Khảo sát đánh giá tài nguyên biển ở một số khu vực trọng điểm, tạo lập hành lang pháp lý thuận lợi thu hút các nguồn vốn, công nghệ, để khai thác tiềm năng điện gió ngoài khơi, hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo, phát triển các ngành kinh tế biển.

5.5. Lĩnh vực bảo vệ môi trường

Tổ chức xây dựng Đề án tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam. Hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh. Tập trung hoàn thiện QCVN về khí thải phương tiện ô tô đang lưu hành. Hoàn thiện dự thảo Quy chế quản lý và sử dụng tiền đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhập khẩu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì và xử lý chất thải.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn. Các địa phương triển khai các giải pháp cụ thể, bảo đảm tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tại khu vực đô thị đạt 95%³¹; 40% rác thải sinh hoạt được xử lý theo mô hình đốt rác, phát điện, tái chế thay cho chôn lấp³².

Kiểm soát chặt chẽ về môi trường và hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu chủ đầu tư các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, bảo đảm tỷ lệ 92% khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Tập trung xử lý vấn đề ô nhiễm môi trường hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải; vấn đề môi trường của các nhà máy điện.

Thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025. Tổ chức thực hiện các chương

³¹ Theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ.

³² Theo Quyết định số 52/QĐ-BTNMT ngày 12/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình hành động của ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ.

trình quan trắc chất lượng không khí, thực hiện kiểm soát chặt chẽ về chất lượng trong quan trắc môi trường không khí, đặc biệt tại một số thành phố thường xuyên có chất lượng không khí kém; công bố kết quả quan trắc và kịp thời cảnh báo ô nhiễm không khí cho cộng đồng.

5.6. Lĩnh vực khí tượng thủy văn

Hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật KTTV để thực thi hiệu quả Luật KTTV, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động KTTV phục vụ hiệu quả công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy lùi tình trạng vi phạm hành lang kỹ thuật trạm KTTV.

Làm tốt công tác dự báo KTTV thực hiện dự báo thời tiết, thủy văn chi tiết đến các huyện, thị trên cả nước; cung cấp kịp thời các bản tin dự báo KTTV, cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm cho các cơ quan, ban, ngành Trung ương, địa phương, các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ công tác chỉ đạo phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai. Đặc biệt, theo dõi sát sao hiện tượng El Nino được dự báo xuất hiện vào nửa cuối mùa hè năm 2023 và duy trì đến năm 2024, kéo theo nhiệt độ cao kỷ lục; bão, ATNĐ dị thường; nguy cơ cao xuất hiện khô hạn diện rộng.

Hoàn thiện Đề án Hiện đại hóa công tác khí tượng thủy văn; Đề án “Cảnh báo sớm trượt lở đất đá, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam”; triển khai thực hiện xây dựng “Đề án tăng cường dự báo, đánh giá tác động và các giải pháp phòng, chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó và thích ứng với Biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ”.

5.7. Lĩnh vực biến đổi khí hậu

Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đề xuất các dự án nhằm triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thích ứng với BĐKH, giảm phát thải khí nhà kính và tham gia các chương trình, dự án trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon theo quy định; hoàn thiện quy định về thị trường tín chỉ các bon.

Hoàn thiện Đề án Việt Nam tham dự Hội nghị COP28 tại Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) và tham mưu tổ chức đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị COP28. Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức quốc tế, cơ quan có liên quan triển khai cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 và phát huy tổng hợp các nguồn lực nhằm thúc đẩy các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở nước ta.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát; Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật) theo đúng tiến độ.

Thực hiện kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về biến đổi khí hậu; việc tuân thủ các quy định hiện hành trong nước và quốc tế đối với các dự án theo Cơ chế phát triển sạch (CDM), Cơ chế tín chỉ chung (JCM) tại các tỉnh Thừa Thiên Huế và Bà Rịa - Vũng Tàu.

5.8. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và viễn thám

Tập trung hoàn thành dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa ý quốc gia phục vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và Chính phủ điện tử”. Tổ chức triển khai Chiến lược phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các địa phương khảo sát, đo đạc xác định đường biên giới trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Chuẩn bị nhân lực kỹ thuật, trang thiết bị thực hiện phân giới, cắm mốc đối với 16% còn lại trên tuyến biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia theo Đề án đàm phán sau khi hai bên thống nhất.

Hoàn thiện, trình ban hành các quy định kỹ thuật giám sát tài nguyên, môi trường bằng công nghệ viễn thám. Hỗ trợ đối tác Ấn Độ trong triển khai các hạng mục sử dụng vốn viện trợ của dự án “Xây dựng Trạm dò tìm, tiếp nhận dữ liệu và Trung tâm xử lý dữ liệu ảnh vệ tinh” thuộc khuôn khổ hợp tác ASEAN - Ấn Độ.